TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 139/2019/DS - ST
Ngày: 11/6/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Minh Ngọc**

Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1964

Cư trú: ấp An Khương, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

***** Bị đơn**: Lê Văn C,** sinh năm 1970.

Cư trú: ấp Nhựt Tân, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn G, sinh năm 1952.

Cư trú: ấp An Khương, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Trần Thị Cẩm Th, sinh năm 1966

Cư trú: ấp Nhựt Tân, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của bà L, ông G: Trần Văn T, sinh năm 1965

Cư trú: ấp Mỹ Thọ, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Anh T có mặt; anh C, chị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn G là vợ chồng, tên thường gọi là NL. Do xuất phát từ chỗ thân quen, anh C cần tiền để làm vốn mua bán nhỏ của gia đình nên có hỏi mượn vợ chồng bà L (thường gọi vợ chồng NL) số tiền 156.000.000đồng, cụ thể như sau:

Ngày 30/6/2017, anh C mượn 60.000.000đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/7/2017 đến ngày 30/02/2019, trả góp hàng tháng, trả trong thời hạn 20 tháng. Anh C trả được 07 tháng từ ngày 30/7/2017 đến ngày 30/01/2017 là 21.000.000đồng, còn nợ lại 13 tháng là 39.000.000đồng.

Ngày 30/9/2017, anh C mượn 40.000.000đồng cũng trả hàng tháng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ ngày 30/10/2017 đến ngày 30/5/2019, anh C trả được 04 tháng là 8.000.000đồng rồi ngưng cho đến nay. Anh C còn nợ 16 tháng là 32.000.000đồng.

Ngày 30/10/2017, anh C mượn 100.000.000đồng, cũng trả hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/6/2019, anh C trả được 03 tháng từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/01/2018 thì ngưng không trả nữa. Hiện còn nợ là 85.000.000đồng. Các lần mượn nợ anh C đều ghi giấy biên nhận nợ cho bà L.

Do anh C vi phạm thời hạn trả nợ nên bà L yêu cầu anh C trả số tiền còn nợ là 156.000.000đồng, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong 03 giấy nợ anh C tự ghi với nội dung "Vợ chồng chú C có mượn vợ chồng NL..." nhưng thực tế chỉ có anh C giao dịch mượn nợ, không có liên quan đến vợ anh C là chị Trần Thị Cẩm Th nên bà L chỉ yêu cầu anh C trả số tiền nợ nêu trên.

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền của ông G là anh Trần Văn T trình bày:* Ông G thống nhất với lời trình bày của bà L, ông G cũng yêu cầu anh C trả số tiền 156.000.000đồng cho vợ chồng ông làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Lê Văn C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm Th vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Căn C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C, chị Th.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Văn C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 463 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện ủy quyền nguyên đơn anh Trần Văn T yêu cầu anh Lê Văn C trả số tiền 156.000.000đồng, thời gian trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi với chứng cứ là giấy nợ ngày 30/6/2017 anh C mượn số tiền 60.000.000đồng, giấy nợ ngày 25/10/2017 anh C mượn số tiền 100.000.000đồng và giấy nợ ngày 30/9/2017 anh C mượn số tiền 40.000.000đồng, tổng cộng là 200.000.000đồng, anh C đã trả được 44.000.000đồng, hiện còn nợ 156.000.000đòng. Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, anh C vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu. Đồng thời ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Kim L là vợ chồng, theo ba giấy nợ nêu trên, khi mượn tiền thể hiện anh C mượn vợ chồng Năm L, tức là mượn vợ chồng ông G, bà L theo như xác nhận của Công an xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xác nhận bà L tên thường gọi là vợ NL.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh C nợ bà L, ông G số tiền 20.000.000đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh C có nghĩa vụ trả cho bà L, ông G số tiền 156.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc anh Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn G số tiền 156.000.000đồng *(Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)*. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh C chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Lê Văn C phải chịu số tiền 7.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp là 3.900.000đồng theo biên lai thu số 0015685 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với anh C, chị Th kháng cáo tính từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Về nội dung: Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cải vả, gây gỗ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Mặc khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.***

- ***Về tình cảm*:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến.

- ***Về con chung:*** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- ***Về án phí HNST:***

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình